

Số: 726...../CV-TGD.26
V/v: Công bố thông tin về
tình hình tài chính

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP An Bình gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần: mã số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 17/05/1993, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần 29 ngày 28/06/2023.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 do Ngân hàng Nhà nước cấp và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3 8244855 Fax: (84-28) 3 8244856
- Email: info@abbank.vn Website: www.abbank.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Mã số thuế: 0301412222

2. Tình hình tài chính:

- Kỳ báo cáo: Kỳ báo cáo năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước (31/12/2024)	Kỳ báo cáo (31/12/2025)
1	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	14.024.232	16.800.695
1.1	Vốn điều lệ	10.350.368	10.350.368
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	34,279	34,279
1.3	Quỹ dự trữ	1.284.297	1.820.157
1.4	Lợi nhuận chưa phân phối	2.354.294	4.594.897
1.5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
1.6	Chênh lệch tỷ giá	-	-
2	Tổng nợ phải trả (Triệu đồng)	162.688.881	203.694.036
2.1	Vay các TCTD khác	3.164.961	1.958.988
2.2	Phát hành giấy tờ có giá	19.230.000	27.800.183
-	Nợ vay từ phát hành chứng chỉ tiền gửi	13.830.000	13.600.183
-	Nợ vay từ phát hành trái phiếu	5.400.000	14.200.000

guy Nz

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước (31/12/2024)	Kỳ báo cáo (31/12/2025)
+	Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	5.400.000	14.200.000
+	Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	-	-
+	Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	-	-
2.3	Các khoản nợ khác		
-	Tiền gửi của các TCTD khác	42.765.878	29.159.120
-	Tiền gửi của khách hàng	90.719.121	133.411.372
-	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	381.690	11.130
-	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	9.364	3.313
-	Các khoản lãi, phí phải trả	1.736.021	2.621.145
-	Các khoản phải trả và công nợ khác	949.077	1.987.508
2.4	Nợ phải trả bằng ngoại tệ		
-	Nợ phải trả ngoại tệ - Quy đổi VND theo tỷ giá tại Báo cáo tài chính	11.000.809	2.987.276
-	Nợ phải trả ngoại tệ - Quy đổi VND theo tỷ giá bán của VCB (*)	11.035.572	3.001.418
	Chênh lệch (*)	(34.763)	(14.142)
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
3.1	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,92	0,92
3.2	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	11,6	12,12
4	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán nhanh có ý nghĩa tương đương Tỷ lệ khả năng chi trả trong ngành ngân hàng tuân thủ theo quy định của NHNN:		
4.1	Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ trong 30 ngày	91,42%	106,76%
4.2	Tỷ lệ khả năng chi trả USD trong 30 ngày	Không áp dụng tỷ lệ do dòng tiền ra ròng âm	Không áp dụng tỷ lệ do dòng tiền ra ròng âm
5	Tổng dư nợ vay trái phiếu/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,39	0,85
6	Lợi nhuận		
6.1	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	744.218	3.540.771
6.2	Lợi nhuận sau thuế (LNST) trong năm tài chính	585.556	2.808.626
7	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
7.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,35%	1,41%
7.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	4,26%	18,22%
8	Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành	Chi tiết tại bảng tiếp theo.	

(*) Nợ phải trả bằng ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VCB"). Mức chênh lệch sau khi điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ không lớn và không ảnh hưởng tới các hệ số vay của Tổ Chức Phát Hành.

guy *Nay*

CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN TÀI CHÍNH, TỶ LỆ BẢO ĐẢM AN TOÀN VỐN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG

STT	Chỉ tiêu	Quy định của NHNN	(31/12/2024)	(31/12/2025)
1	CAR	≥8%	10,04% (Tuân thủ)	11,39% (Tuân thủ)
	Vốn cấp 1 (Triệu đồng)		14.043.613	16.813.481
	Vốn cấp 2 (Triệu đồng)		682.878	4.767.956
	Các khoản giảm trừ khỏi vốn (Triệu đồng)		-	-
	Tài sản có rủi ro (Triệu đồng)		146.683.937	189.450.976
2	LDR	≤85%	68,02% (Tuân thủ)	62,55% (Tuân thủ)
	Tổng dư nợ cho vay (Triệu đồng)		103.583.004	118.819.119
	Tổng tiền gửi (Triệu đồng)		152.284.014	189.964.054
3	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn	≤30%	25,94% (Tuân thủ)	1,77% (Tuân thủ)
	Tổng nguồn vốn trung và dài hạn (Triệu đồng)		19.353.727	31.086.793
	Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn (Triệu đồng)		45.759.568	33.648.256
	Tổng nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn (Triệu đồng)		101.801.687	144.289.811
4	Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh	≤30%	8,74% (Tuân thủ)	7,35% (Tuân thủ)
	Tổng các khoản mua, đầu tư TPCP, TP được CP bảo lãnh (Triệu đồng)		11.328.000	14.113.796
	Tổng nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó (Triệu đồng)		133.802.197	192.059.329
5	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	≥10%	14,82% (Tuân thủ)	22,63% (Tuân thủ)
	Tài sản thanh khoản cao (Triệu đồng)		23.308.263	44.515.483
	Tổng nợ phải trả (Triệu đồng)		157.266.379	196.670.461
6	Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ trong 30 ngày	≥50%	91,42% (Tuân thủ)	106,76% (Tuân thủ)
7	Tỷ lệ khả năng chi trả USD trong 30 ngày	≥10%	Không áp dụng tỷ lệ do dòng tiền ra ròng âm (Tuân thủ)	Không áp dụng tỷ lệ do dòng tiền ra ròng âm (Tuân thủ)
8	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần	Thực hiện theo quy định	Tuân thủ	Tuân thủ
9	Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng	Thực hiện theo quy định	Tuân thủ	Tuân thủ
10	Trạng thái ngoại tệ dương so với vốn tự có ("VTC")	≤ 20%	Tuân thủ	Tuân thủ
11	Trạng thái ngoại tệ âm so với VTC	≤ 20%	Tuân thủ	Tuân thủ
12	Trạng thái vàng so với VTC	≤2%	Không áp dụng (**)	

(**) Trong giấy phép của ABBank không có hoạt động kinh doanh vàng.

guy *Am*

22
ANG
MAI
AN
NH
HÀ N

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2025 của ABBank được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của pháp luật và không phải là người có liên quan đối với ABBank theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 là ý kiến chấp thuận toàn phần, cụ thể như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025 là ý kiến chấp thuận toàn phần, cụ thể như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)



Vũ Hải Yến
Giám đốc Cao cấp Kinh doanh
Thu nhập Cố định

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Lại Tất Hòa
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- SGĐCK
- Lưu: HC; Khối NV&TTTC

